TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÝ NHÂN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 9 - 2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc và bà Vũ Thị Hiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa: Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà số 20/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thu H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số nhà 1/993, đường L, Khu 9, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Trần Đức S, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên toà: Chị H có mặt; anh S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2020, bản tự khai của nguyên đơn chị Lê Thu H; bản tự khai của bị đơn anh Trần Đức S, nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thu H và anh Trần Đức S kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 12/01/2004 tại Uỷ ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2020 thì xảy ra mâu thuẫn.

Theo chị Lê Thu H trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà và sinh sống ở thành phố H, tỉnh Hải Dương. Đến khoảng tháng 10/2010, chị phát hiện anh Sang có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ tên là T (quê quán ở tỉnh Quảng Ninh) nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Mặc khác, anh S đi làm việc xa nhà, không có thời gian chăm sóc gia đình, vợ con; kinh tế đưa cho vợ không đáng kể, một mình chị chăm lo cho 02 con ăn học. Thời gian anh S về nhà, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, ngoài việc ngoại tình với người phụ nữ tên T anh S còn có những quan hệ tình cảm bên ngoài với những người phụ nữ khác. Chị và gia đình, bạn bè nhiều lần góp ý, khuyên bảo nhưng anh S không thay đổi, dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Kể từ tháng 01/2020, vợ chồng ở cùng nhà nhưng không còn quan hệ tình cảm, đến tháng 6/2020 anh Sang đã thu dọn toàn bộ đồ đạc cá nhân, chuyển đi nơi khác ở, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh S được, chị đề nghị được ly hôn với anh Trần Đức S.

Theo anh Trần Đức S trình bày: Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống tại thành phố H, vợ chồng cũng nhiều lần xảy ra đánh, cãi chửi nhau, sau đó lại làm lành với nhau, nguyên nhân do chị H nghi ngờ anh đi ngoại tình với người phụ nữ khác nhưng chị H không đưa ra được bằng chứng. Mặc khác, chị H không tôn trọng anh, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau. Đến tháng 01/2020 vợ chồng ly thân nhau cho đến nay, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh nhất trí ly hôn với chị Lê Thu H.

- Về con chung: Chị H và anh S đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thị Bích N, sinh ngày 26/4/2005 và cháu Trần Hải N sinh ngày 17/09/2010, hiện nay do chị H đang nuôi dưỡng.

Nếu vợ chồng ly hôn:

+ Chị H đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 con chung cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi. Yêu cầu anh Sang phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 8.000.000 đồng/tháng (4.000.000 đồng/tháng/cháu).

+ Anh S có nguyện vọng được nuôi dưỡng 01 con chung (nếu cháu nào muốn ở với anh thì anh sẽ nuôi dưỡng). Anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về con nuôi, con riêng: Chị H và anh S đều xác định vợ chồng không có.

- Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Chị H và anh S đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án đã tiến hành hoà giải khuyên vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Chị H và anh S đều thuận tình ly hôn nhau.

Tại phiên toà:

- Nguyên đơn chị Lê Thu H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Đức S. Về con chung: Chị H đề nghị được nuôi dưỡng cháu Trần Thị Bích N và cháu Trần Hải N cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi. Không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Chị H không yêu cầu Toà án phải giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm: Về tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thu H và anh Trần Đức S; về con chung đề nghị giao cháu Trần Thị Bích N và cháu Trần Hải N cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung; chị Lê Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; căn cứ vào ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thu H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tai phiên toà, bị đơn anh Trần Đức S vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thu H và anh Trần Đ Sang là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hoà thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh S đều xác định quá trình chung sống vợ chồng nhiều lầy xảy ra cãi chửi nhau, mâu thuẫn kéo dài và căng thẳng nhất vào tháng 01/2020 cho đến nay, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không ai quan tâm đến ai. Toà án đã tiến hành hoà giải, chị H và anh S thuận tình ly hôn nhau, tại phiên toà chị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh S. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu khởi kiện của chị H và quan điểm nhất trí ly hôn của anh S là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H và anh S có 02 con chung là cháu Trần Thị Bích N, sinh ngày 26/4/2005 và cháu Trần Hải N, sinh ngày 17/09/2010, hiện nay do chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 con chung cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi. Tại phiên toà chị H không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị H và anh S, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án, chị H xuất trình Hợp đồng lao động thể hiện chị đang làm nhân viên của Công ty TNHH LB Label Tracing - Khu công nghiệp Đ mở rộng, thị trấn La, huyện C, tỉnh Hải Dương, theo hợp đồng lao động không xác đinh thời hạn, có thu nhập ổn định, bình quân là 15.000.000 đồng/tháng; đơn đề nghị của chị và đơn của bố đẻ chị là ông Lê Xuân Đ, cư trú tại thôn T, xã G, TP H, tỉnh Hải Dương cùng có nội dung trình bày chị H có chỗ ở ổn định, có thời gian chăm sóc cả hai con chung, hiện tại cháu Trần Thị Bích N và cháu Trần Hải N đang ở với chị H có cuộc sống ăn học ổn định; gia đình chị H sẽ cùng chăm sóc và hỗ trợ tiền, đất để chị H làm nhà ở. Anh S xuất trình đơn với nội dung là lao động tự do, thường xuyên đi làm xa nhà, thu nhập bình quân là 20.000.000 đồng/tháng; cháu N và cháu N đều có nguyện vọng được ở với chị H. Sau khi xem xét nguyện vọng của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử thấy kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến thời điểm xét xử việc nuôi dưỡng con chung đều do chị H chăm sóc, các cháu có cuộc sống ổn định, bản thân anh S không có trách nhiệm gì; chị H có điều kiện tốt hơn anh S về mọi mặt, đồng thời để đảm bảo cuộc sống, ổn định việc ăn học của con chung. Vì vậy nên giao cả hai con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế và quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên toà, chị H không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Trước khi mở phiên toà, chị H và anh S thuận tình ly hôn nên các đương sự phải chịu 50% án phí ly hôn sơ thẩm. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Hà chịu toàn bộ tiền án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thu H và anh Trần Đức S.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Bích N, sinh ngày 26/4/2005 và cháu Trần Hải N, sinh ngày 17/09/2010 cho chị Lê Thu H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Trần Đức S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Lê Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 *(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0003870 ngày 16/4/2021, trả lại chị Lê Thu H số tiền 150.000 *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đỗ Quốc Huy